

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TƯ NGHĨA  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-9-2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Na Na

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phước Đạt

2. Bà Lê Thị Huyền Trâm

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Tiêu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Th, sinh năm 1988;

*Địa chỉ:* Số 1796 Nguyễn Ái Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đ;

*Bị đơn:* Anh Phạm Tấn S, sinh năm 1986;

*Địa chỉ:* Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

*Chị Th, anh S đều vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn với bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Ch, huyện B, tỉnh Q. Quá trình sống chung, giữa nguyên đơn với bị đơn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2017 nguyên đơn vào Đồng Nai để sinh sống, phần ai nấy sống, nguyên đơn đã ly thân với bị đơn nhiều năm, vì vậy đời sống tình cảm của nguyên đơn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn anh Phạm Tấn S.

- Về con chung: Giữa nguyên đơn với bị đơn có 01 con chung, tên Phạm Hữu Ph, sinh ngày 10/4/2013. Khi ly hôn nguyên đơn đồng ý giao con chung cháu Ph cho bị đơn là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu Phạm Hữu Ph đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Chị Th trình bày không có.

\* *Bị đơn anh Phạm Tấn S trình bày như sau:* Giữa bị đơn với nguyên đơn tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Ch, huyện B. Việc nguyên đơn trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Bị đơn và nguyên đơn ly thân đã lâu. Nhưng bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn vì bị đơn vẫn còn yêu thương nguyên đơn. Hiện nay cháu Phạm Hữu Ph đang sống cùng với bị đơn, do bị đơn là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ph.

\**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Q trình bày như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ là đúng. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Khi ly hôn, giao con chung cháu Phạm Hữu Ph sinh ngày 10/4/2013 cho bị đơn nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cấp dưỡng nuôi con trước khi Tòa án xét xử mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Phan Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn và giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng. Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, bị đơn có mặt và cư trú tại địa chỉ: phường Long B, Thành phố B, tỉnh Đ. Do đó, có căn cứ xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ thụ lý giải quyết vụ án thì bị đơn anh Phạm Tấn S đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú. Hiện nay bị đơn anh Phạm Tấn S

đang sinh sống và có mặt tại xã N, huyện T, tỉnh Q. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Chị Phan Thị Th, anh Phạm Tấn S đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn, bị đơn có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th với anh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Theo nguyên đơn trình bày, trong quá trình sống chung giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm, không có tiếng nói chung, nguyên đơn với bị đơn đã ly thân từ năm 2017 mãi cho đến nay, phần ai nấy sống, hiện nay nguyên đơn đang sinh sống và làm ăn tại Thành phố B, tỉnh Đ. Bị đơn anh Phạm Tấn S đã trình bày, hiện nay bị đơn cùng con chung là Cháu Ph đang sinh sống tại xã N huyện T, tỉnh Q, anh S cũng thừa nhận giữa anh với chị Th không còn tình cảm, sống ly thân nhiều năm, phần ai nấy sống. Tuy nhiên vì con chung nên anh không đồng ý ly hôn với chị Th. Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa chị Th với anh S đã sống ly thân nhiều năm. Hiện nay chị Th sống ở Thành phố B, tỉnh Đ, còn anh S hiện đang sinh sống tại xã N huyện T tỉnh Q nên cuộc sống hôn nhân giữa chị Th với anh S là không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn hạnh phúc. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt giữa các bên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh S là có cơ sở được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Th với anh S có 01 con chung, cháu Phạm Hữu Ph, sinh ngày 10/4/2013. Theo nguyện vọng của cháu Ph mong muốn được ở với anh S, hiện nay cháu Ph đang sống cùng với anh S và do anh S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc khác, theo yêu cầu của chị Th, khi ly hôn chị Th đồng ý giao cháu Phạm Hữu Ph cho anh S là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu Phạm Hữu Ph, sinh ngày 10/4/2013 cho anh Phạm Tấn S là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trước khi xét xử, nguyên đơn có yêu cầu tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án. Xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84; 110; 115; 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Th về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Th được ly hôn anh Phạm Tấn S.

1.2. Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Hữu Ph, sinh ngày 10/4/2013 cho anh Phạm Tấn S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện về việc cấp dưỡng tiền nuôi con của chị Phan Thị Th cho cháu Phạm Hữu Ph mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu Phạm Hữu Ph đủ 18 tuổi.

*Chị Phan Thị Th và anh Phạm Tấn S đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.*

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Nguyên đơn, chị Phan Thị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị Th đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000984 ngày 05-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, chị Phan Thị Th còn phải nộp tiếp số tiền 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- UBND xã Bình Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Na Na**